

Bản án số: 19/2019/DS-PT
Ngày 05-3- 2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Đức Chiến

Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tuệ;

Ông Hồ Đức Châm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thúy Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Nông Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2018/TLPT-DS ngày 03 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2018/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 72/2018/QĐ-PT ngày 27 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Mã Văn T; cư trú tại: Số 91B đường P, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Bị đơn: Bà Triệu Thị K; cư trú tại: Thôn L1, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Tài H1, Luật sư của Văn phòng Luật sư H1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ: Số 30D/3, đường Đ, phường Đ2, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Triệu Thị Đ3; cư trú tại: Số 431B, đường N, phường T1, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

- Người kháng cáo: Bà Triệu Thị K là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án dân sự sơ thẩm, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ từ trước nên, từ năm 2010 đến năm 2013 ông Mã Văn T và bà Triệu Thị K đã nhiều lần thỏa thuận vay nợ với nhau cụ thể:

- Ngày 01/02/2010, ông Mã Văn T cho bà Triệu Thị K vay 400.000.000 đồng, thông qua bà Triệu Thị Đ3 thời hạn vay 02 tháng, lãi xuất 3%/ tháng, tiền lãi được trả hàng tháng vào ngày vay. Việc vay nợ được lập thành văn bản do bà Triệu Thị Đ3 viết, có chữ ký của ông Mã Văn T, bà Triệu Thị K và bà Triệu Thị Đ3. Hết thời hạn vay bà Triệu Thị K không trả được nợ gốc, nhưng tiền lãi hàng tháng thanh toán đầy đủ nên hai bên vẫn duy trì hợp đồng.

- Ngày 29/6/2010, ông Mã Văn T soạn lại hợp đồng, điều chỉnh lãi xuất từ 3%/tháng xuống 2,5%/tháng, những nội dung khác của hợp đồng vẫn được giữ nguyên. Hợp đồng có đủ chữ ký của ông Mã Văn T, bà Triệu Thị K và bà Triệu Thị Đ3 là người làm chứng. Bà Triệu Thị K đã thế chấp sổ đỏ mang tên Lộc Thị T3, tuy nhiên ông Mã Văn T không đồng ý vì sổ đỏ không đúng tên bà Triệu Thị K, nên bà Triệu Thị Đ3 là người nắm giữ sổ đỏ nêu trên.

- Ngày 18/4/2011 được sự đồng ý của ông Mã Văn T, bà Triệu Thị Đ3 đến nhà bà Triệu Thị K rút 100.000.000 đồng, từ số tiền của ông Mã Văn T cho bà Triệu Thị K vay, sau đó bà Triệu Thị Đ3 cho bà Triệu Thị K vay lại để hưởng lãi riêng. Ngoài ra vào sáng ngày 10/5/2011 ông Mã Văn T cũng rút 100.000.000 đồng. Như vậy đến thời điểm này bà Triệu Thị K còn nợ ông Mã Văn T 200.000.000 đồng.

- Chiều ngày 10/5/2011, bà Triệu Thị K gặp ông Mã Văn T nói không đủ tiền để lấy chuyển hàng và đặt vấn đề vay tiền, nên ông Mã Văn T lại đưa tiếp cho bà Triệu Thị K vay 130.000.000 đồng, hai bên có lập giấy vay tiền tại nhà bà Triệu Thị K. Tổng cộng đến ngày 10/5/2011 bà Triệu Thị K nợ ông Mã Văn T là 330.000.000 đồng, bao gồm 200.000.000 đồng nợ cũ và số tiền vay mới là 130.000.000đ, có bà Triệu Thị P1 là chị gái bà Triệu Thị K làm chứng ký vào giấy vay tiền.

- Ngày 24/5/2012 sau hơn một năm cho bà Triệu Thị Đ3 vay 100.000.000 đồng để hưởng lãi riêng với bà Triệu Thị K như đã nêu ở phần trên, bà Triệu Thị Đ3 mới trả lại cho ông Mã Văn T để tiếp tục lấy tiền lãi và bà Triệu Thị K cũng đồng ý. Vì vậy, tính đến ngày 24/5/2012 bà Triệu Thị K còn nợ ông Mã Văn T là 430.000.000 đồng, lãi xuất là 3%/tháng. Tuy nhiên do làm ăn thất thoát, mở quầy tại huyện V không được hoạt động (do hết hạn trên giấy phép) việc trả lãi khó khăn nên đến ngày 01/5/2013 bà Triệu Thị K mới trả được 80.000.000 đồng được trừ vào tiền gốc.

- Ngày 01/5/2013 ông Mã Văn T và bà Triệu Thị K ký chốt số nợ ghi dưới dạng Giấy thỏa thuận vay tiền mặt số tiền 350.000.000 đồng, có sự làm chứng của bà Triệu Thị P1, lãi xuất 1,5%/tháng thời hạn đến hết năm 2013, nhưng hết thời hạn vay bà Triệu Thị K không trả.

Nay ông Mã Văn T khởi kiện yêu cầu bà Triệu Thị K phải trả ông Mã

Văn T tiền gốc là 350.000.000 đồng, không yêu cầu phải trả lãi xuất.

Về các Hợp đồng vay nợ, giấy vay nợ giữa ông T và bà K, ông Mã Văn T đã giao nộp cho Tòa án gồm có: Hợp đồng cho vay tiền ngày 29/6/2010; Giấy vay tiền ngày 10/5/2011; Giấy vay tiền ngày 18/4/2011; Hợp đồng cho vay tiền ngày 24/5/2012 (tức ngày 04/4 âm lịch); Giấy thỏa thuận về việc vay tiền mặt ngày 01/5/2013.

Tại các bản khai và lời khai tại phiên tòa bà Triệu Thị K trình bày:

- Ngày 01/02/2010, bà vay ông Mã Văn T 400.000.000 đồng, có bà Triệu Thị Đ3 là người viết giấy vay tiền và làm chứng.

- Ngày 10/5/2011, do thiếu vốn để lấy chuyển hàng, bà tiếp tục vay 130.000.000 đồng nhưng không làm giấy tờ. Vì khoản vay này, bà cho rằng là vay nóng nên sau khi vay được 1-2 tháng, bà đã thanh toán cho ông Mã Văn T. Tiền nợ gốc và lãi của khoản vay đã ghi trong sổ theo dõi của bà, tuy nhiên ông Mã Văn T đã xé đi.

Khi làm giấy vay ông Mã Văn T 400.000.000 đồng vào ngày 01/02/2010, bà Triệu Thị K thế chấp cho ông Mã Văn T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ) mang tên bà Lộc Thị T3, do bà Triệu Thị Đ3 là người giữ hộ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Mã Văn T đã rút 200.000.000 đồng để làm nhà cho con ở Bắc Ninh; 100.000.000 đồng để xin việc cho con; 100.000.000 đồng để làm nhà ở xã C, huyện C1 và những lần lấy hàng để trừ nợ.

- Ngày 18/4/2011 bà Triệu Thị Đ3 lấy với bà Triệu Thị K 100.000.000 đồng từ khoản tiền ông Mã Văn T cho bà K vay (bà Đ3 vay ông T và được ông T đồng ý) sau đó bà Triệu Thị Đ3 đem số tiền này cho bà Triệu Thị K vay để hưởng lãi riêng. Ngày 24/5/2012 bà Triệu Thị K đã thanh toán 100.000.000 đồng cho bà Triệu Thị Đ3 và bà Triệu Thị Đ3 trả sổ đỏ cho bà Triệu Thị K. Bà Triệu Thị K thừa nhận lần trả nợ cuối cùng cho ông Mã Văn T vào ngày 01/5/2013 trả thành 02 lần, tổng số tiền là 80.000.000 đồng.

Nay bà Triệu Thị K cho rằng việc trả nợ gốc và lãi được ông Mã Văn T tự ghi vào quyển sổ tay do bà giữ, trong lúc bà không ở nhà ông Mã Văn T đã xé phần ghi chép đó đi nên không còn chứng cứ để cung cấp cho Tòa án. Mặt khác, sau khi bà Triệu Thị K, ông Mã Văn T và bà Triệu Thị Đ3 xác nhận đã trả đủ nợ gốc cho ông Mã Văn T thì bà Triệu Thị Đ3 đã trả lại bìa đỏ mang tên bà Lộc Thị T3 cho bà, sau đó cả ba người đã đốt toàn bộ giấy tờ vay nợ giữa bà và ông Mã Văn T tại nhà bà Triệu Thị Đ3 và bà đã trả cho ông Mã Văn T hơn 700.000.000 đồng. Vì vậy bà không còn nợ tiền ông Mã Văn T nữa.

Bà Triệu Thị Đ3 trình bày: Bà Triệu Thị Đ3 thừa nhận được chứng kiến và được lập văn bản về việc bà Triệu Thị K vay ông Mã Văn T 400.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng vay nợ giữa ông Mã Văn T với bà Triệu Thị K, bà Triệu Thị Đ3 thừa nhận được trực tiếp nhận tiền lãi từ bà Triệu Thị K hoặc bà Triệu Thị P1, tổng cộng là 8 lần để đưa cho ông Mã Văn T và nhiều lần được ông Mã Văn T trả tiền xăng xe đi lại tổng số là 550.000 đồng.

Lý do bà giữ "Sổ đỏ" mang tên Lộc Thị T3 khi bà Triệu Thị K dùng để thế chấp khi điều chỉnh mức lãi suất trong hợp đồng vay tiền lập ngày 29/6/2010 giữa ông Mã Văn T và bà Triệu Thị K bà cho rằng: Thứ nhất là giữ hộ ông Mã Văn T, thứ hai bà Triệu Thị K còn nợ bà 100.000.000 đồng từ năm 2004, đến ngày 24/5/2012, bà Triệu Thị K trả cho bà hết số nợ trên nên bà trả sổ đỏ cho bà Triệu Thị K. Ngoài ra, bà Triệu Thị Đ3 cũng thừa nhận ngày 18/4/2011, được vay ông Mã Văn T 100.000.000 đồng từ khoản tiền ông Mã Văn T cho bà Triệu Thị K vay, sau đó bà Đ3 lại cho bà Triệu Thị K vay lại để hưởng lãi riêng, đến ngày 24/5/2012 thì chuyển trả cho ông Mã Văn T tiếp tục nhận tiền lãi với bà Triệu Thị K. Vì vậy, bà Triệu Thị K phải có trách nhiệm trả ông Mã Văn T số tiền đã vay như nêu tại phần trên.

Vụ án đã được các cấp Tòa án nhân dân giải quyết, xét xử như sau:

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2015/DS-ST ngày 22/5/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mã Văn T: Buộc bà Triệu Thị K có trách nhiệm trả ông Mã Văn T số tiền nợ gốc là 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng).

Bà Triệu Thị K kháng cáo, tại Bản án dân sự phúc thẩm số 42/2015/DS-PT ngày 09 - 14/9/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn quyết định: Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Triệu Thị K, sửa Bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Mã Văn T, bà Triệu Thị K không phải trả cho ông Mã Văn T số tiền 350.000.000 đồng.

Bản án phúc thẩm bị Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội kháng nghị giám đốc thẩm, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã ban hành Quyết định giám đốc thẩm số 92/2017/DS-GĐT ngày 25/9/2017, quyết định hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 42/2015/DS-PT ngày 09-14/9/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn và Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2015/DS-ST ngày 22/5/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 28/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, quyết định căn cứ vào các Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 229; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 281, 471, khoản 1 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mã Văn T.

Buộc bà Triệu Thị K có trách nhiệm trả cho ông Mã Văn T số tiền nợ gốc là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực và người được thi hành án làm đơn yêu cầu. Trường hợp người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải chịu tiền lãi tương ứng với thời gian chậm trả, tại thời điểm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Bà Triệu Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 17.500.000 đồng (Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

Trả lại cho ông Mã Văn T 10.200.000 đồng (Mười triệu hai trăm nghìn đồng), đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2011/03371, ngày 16/01/2015 tại chi cục thi hành án dân sự thành phố L.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, lỗi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ của đương sự.

Trong thời hạn luật định, ngày 08/10/2018 bà Triệu Thị K là bị đơn có kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết những vấn đề sau:

1. Sửa toàn bộ bản án sơ thẩm số: 09/2018/DS-ST ngày 28/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

2. Xem xét nếu ông T cho vay nặng lãi thì chuyển hồ sơ sang Cơ quan điều tra, truy tố theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Triệu Thị K và ông Mã Văn T đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về các vấn đề phải giải quyết trong vụ án.

Ý kiến Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Do các bên đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về các vấn đề phải giải quyết trong vụ án. Nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 300 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án dân sự sơ thẩm. Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các bên đương sự.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Về nội dung kháng cáo: Bà Triệu Thị K kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, được coi là hợp lệ. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật, các đương sự có mặt tại phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận với nhau là bà Triệu Thị K trả cho ông Mã Văn T 200.000.000 đồng; ông T không yêu cầu bà K trả lãi; trả trong thời hạn 02 tháng tính từ ngày hôm nay 05/3/2019. Về án phí: Các bên thỏa thuận là bà K chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Về án phí dân sự phúc thẩm bà K chịu toàn bộ. Việc tự nguyện thỏa thuận của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 300 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án dân sự sơ thẩm. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ; ý kiến của các đương sự, của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định: Về tố tụng: Bản án sơ thẩm xác định, nguyên đơn ông Mã Văn T

khởi kiện yêu cầu bị đơn là bà Triệu Thị K phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ là 350.000.000đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng) là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Là đúng quan hệ pháp luật và thuộc thẩm quyền.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn ông Mã Văn T và bị đơn bà Triệu Thị K đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ các vấn đề cần giải quyết trong vụ án, cụ thể như sau: Bà Triệu Thị K nhất trí đồng ý trả cho ông Mã Văn T số tiền 200.000.000đồng (hai trăm triệu đồng); ông Mã Văn T đồng ý và không yêu cầu bà Triệu Thị K trả lãi; thời gian trả tiền trong thời hạn 02 tháng tính từ ngày hôm nay 05/3/2019. Về án phí: Các bên thỏa thuận được với nhau. Bà Triệu Thị K chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Về án phí dân sự phúc thẩm bà Triệu Thị K chịu toàn bộ. Xét thấy, việc tự nguyện thỏa thuận của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 300 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2018/DS-ST ngày 28/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3] Về ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn; của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án. Bà Triệu Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm của 200.000.000đồng x 5% và án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300; khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 28-9-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Cụ thể như sau:

1. Bà Triệu Thị K trả cho ông Mã Văn T số tiền 200.000.000đồng (hai trăm triệu đồng); thời gian trả tiền trong thời hạn 02 tháng tính từ ngày hôm nay 05/3/2019 đến hết ngày 05/5/2019. ông Mã Văn T không yêu cầu bà Triệu Thị K trả lãi. Nếu hết thời hạn trên bà Triệu Thị K không trả được thì bà K phải chịu trả lãi xuất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Triệu Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) để sung ngân sách Nhà nước.

2.2. Trả lại cho ông Mã Văn T 10.200.000 đồng (Mười triệu hai trăm nghìn đồng), đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2011/03371, ngày 16/01/2015 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L.

2.3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Triệu Thị K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận bà Triệu Thị K đã nộp đủ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/02903 ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND thành phố Lạng Sơn;
- Chi cục THADS thành phố L
- Các đương sự;
- Tổ HCTP, KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa DS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Đức Chiến